



MỤC LỤC

1

GIỚI THIỆU

2

CƠ CẤU TỔ CHỨC

3

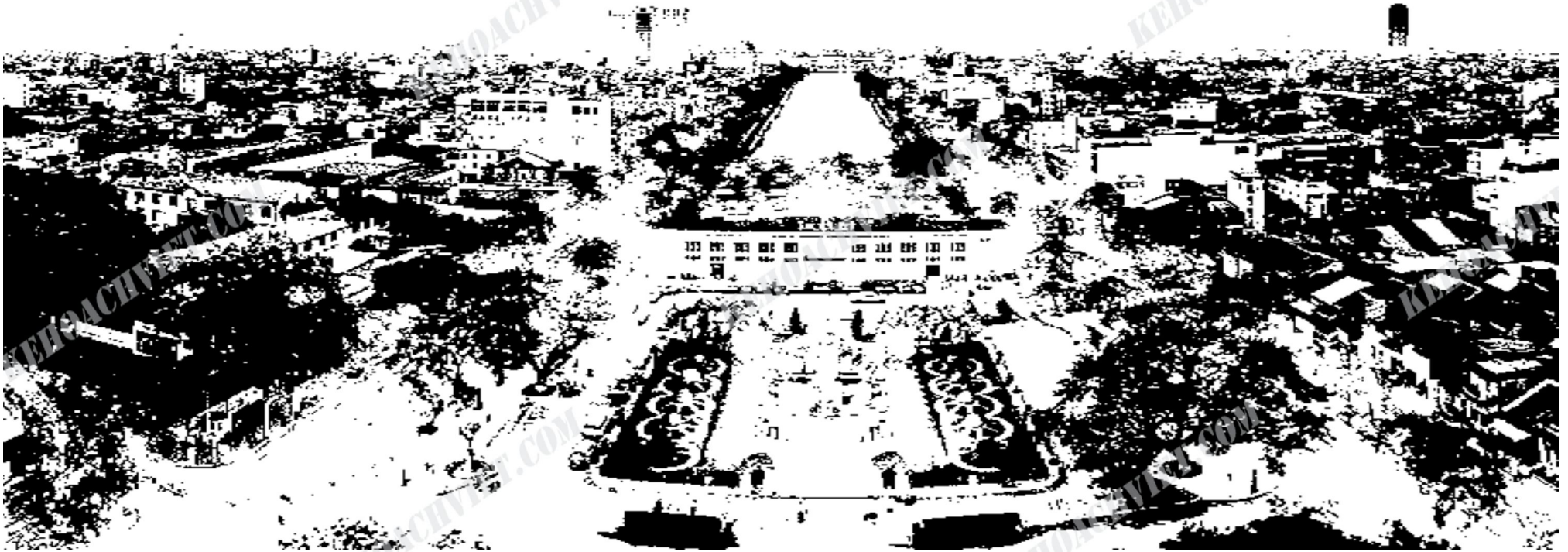
HOẠT ĐỘNG

4

KẾ HOẠCH PTHV

5

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH



HỘI ĐỒNG HƯƠNG Xxi Xxxxx

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI DOANH NGHIỆP Xxi Xxxxx – TP. HỒ CHÍ MINH

TRỤ SỞ:

XX Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh

NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH:

Vũ Duy Xxxxx – Nguyễn Văn Chung

GIỚI THIỆU

THÀNH PHỐ Xxi Xxxxx

Xxi Xxxxx thường gọi là Xxi Xxxxx hay Thành phố Xxi Xxxxx.

NGƯỜI Xxi Xxxxx

Có tính cách đặc trưng riêng: cởi mở, phóng khoáng, mạnh mẽ, trực tính, nhạy bén trong kinh doanh buôn bán và rất dễ tiếp thu những cái mới.

Ý TƯỞNG THÀNH LẬP HỘI

Từ những khát khao của những người con Đất Cảng dù đi lập nghiệp xa quê lâu năm vẫn giữ trong mình những nét tính cách rất Xxi Xxxxx. Doanh nhân Xxx Xxxx luôn được vị nể dù ở đâu trên khắp Việt Nam. Ban liên lạc hội Đồng hương Xxi Xxxxx đã cùng nhau lên ý tưởng thành lập ra Hội doanh nghiệp Xxi Xxxxx với mong muốn lưu giữ những giá trị Xxi Xxxxx, kết nối những doanh nghiệp Xxi Xxxxx trên khắp cả nước.



TỔ CHỨC

MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG

Mô hình hội chuyên nghiệp. Tổ chức theo mô hình doanh nghiệp, tự chủ về thu chi, phi lợi nhuận.

ĐỐI TƯỢNG THÀNH VIÊN

Thành viên chính thức: Các doanh nghiệp có lãnh đạo là người Xxi Xxxxx, cá nhân, câu lạc bộ

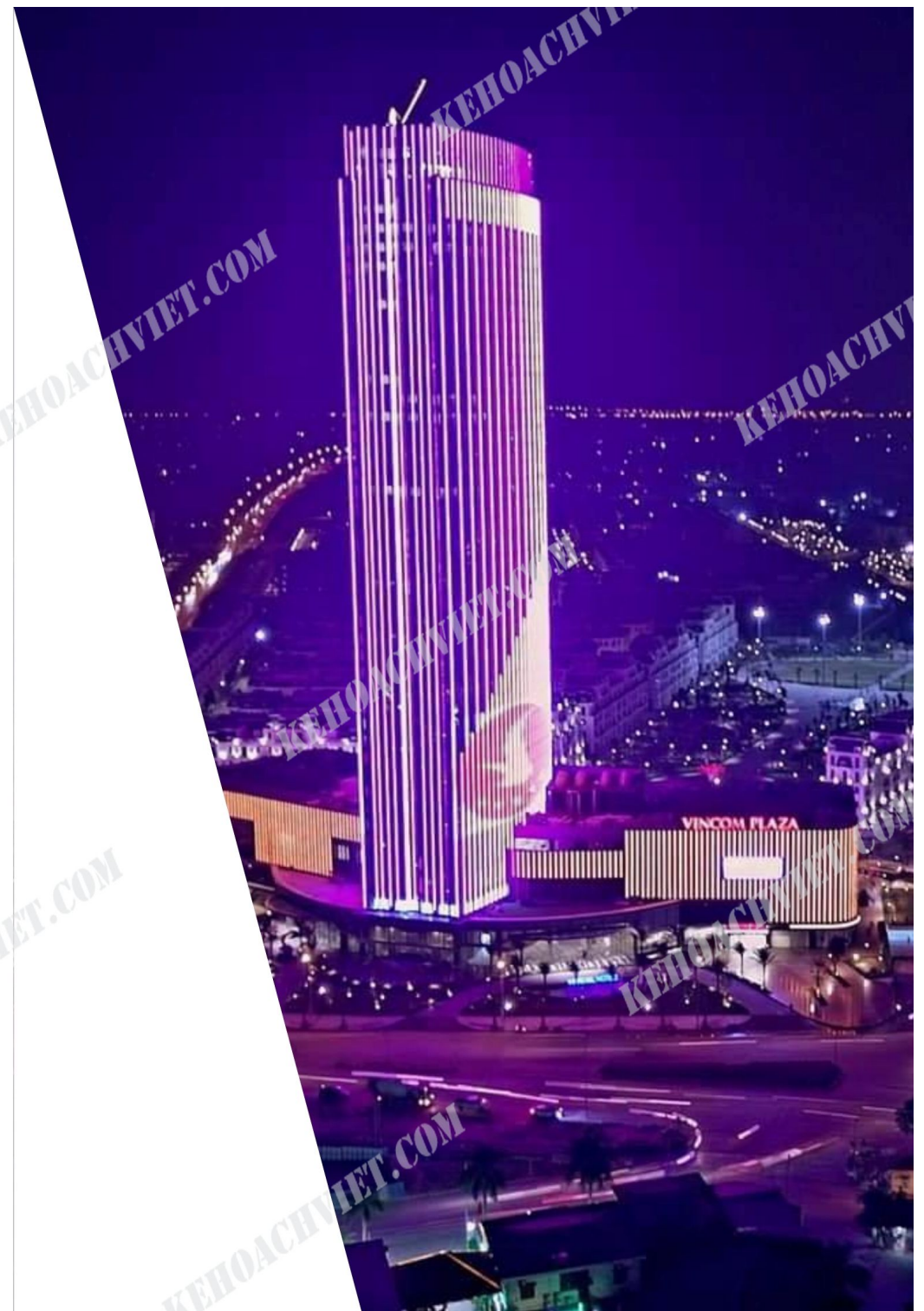
Thành viên khách mời: Các doanh nghiệp khác có nhu cầu tham gia hội để giao lưu, kết nối giao thương...

PHẠM VI HOẠT ĐỘNG

Trong và ngoài nước.

TÔN CHỈ CỦA HỘI

Đoàn kết – Chia sẻ – Cùng phát triển



NGUỒN THU CHÍNH

PHÍ HỘI VIÊN

Phí hội viên 1 triệu vnd/doanh nghiệp/tháng. Đóng 12 tháng 1 lần tương đương 12 triệu/ doanh nghiệp/ năm.

NGUỒN TÀI TRỢ

Tài trợ thông qua quảng cáo tại các sự kiện.

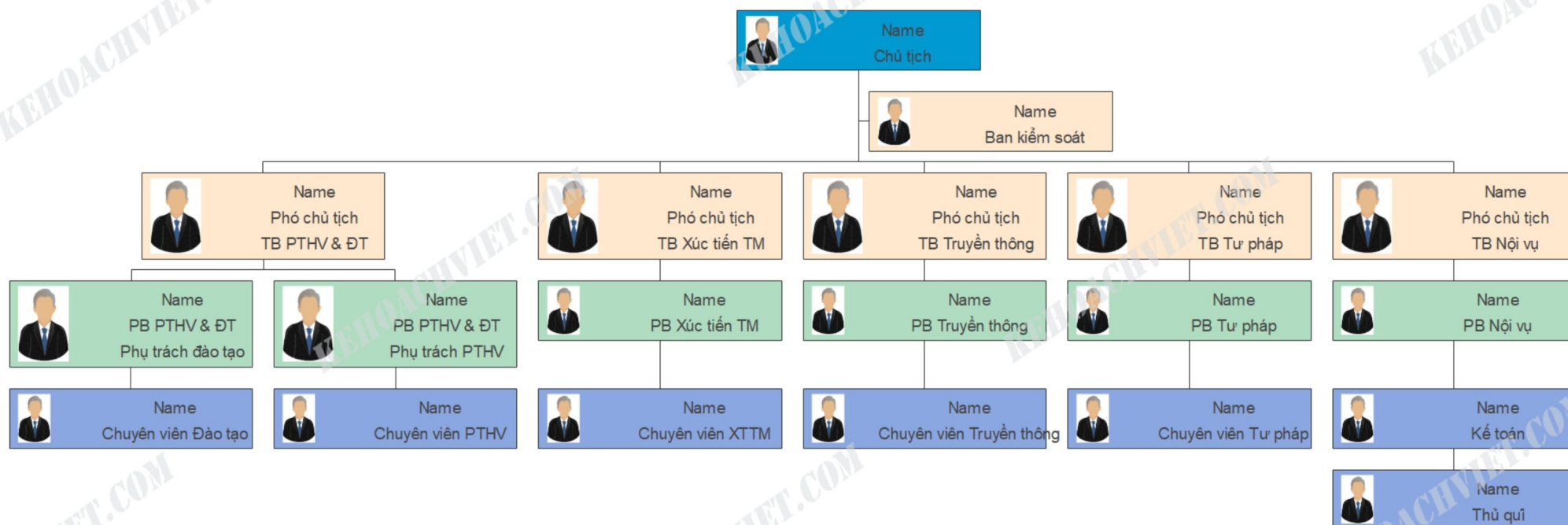
Thành viên đóng góp tự nguyện để phát triển hội.

NGUỒN THU KHÁC

Phí kết nối thành công.

Phí cung cấp các dịch vụ đào tạo và tư vấn nâng cao cho doanh nghiệp trong hội.

CƠ CẤU TỔ CHỨC



TB: Trưởng ban
PB: Phó ban
PTHV: Phát triển hội viên

ĐT: Đào tạo
XTTM: Xúc tiến thương mại



BAN NỘI VỤ

Thực hiện những nhiệm vụ chuyên môn về kế toán, tài chính. Báo cáo kịp thời tình hình tài chính cho Ban Chấp Hành.

Hỗ trợ Ban Chấp Hành soạn thảo các tài liệu, văn bản, kế hoạch, các tài liệu đối nội và đối ngoại...

Hỗ trợ Ban Chấp Hành tuyển dụng và quản trị nhân sự.

Hỗ trợ ban chấp hành thực hiện các hoạt động hành chính văn phòng khác.

BAN PTHV VÀ ĐÀO TẠO

CHỨC NĂNG PTHV

Tìm kiếm và phát triển hội viên mới.

Duy trì liên lạc thường xuyên và hỗ trợ hội viên cũ. Cập nhật các chương trình hoạt động của hội cho hội viên, thông báo chương trình hỗ trợ của hội cho hội viên và kết nối hội viên với bộ phận hỗ trợ.

Hỗ trợ hội viên phát triển các quan hệ kinh tế, văn hóa.

Tổ chức hỗ trợ hội viên tham gia các hoạt động khen thưởng các cấp, các ngành.

CHỨC NĂNG ĐÀO TẠO

Hỗ trợ, tư vấn, đào tạo chuyển đổi số cho Hội viên.

Đào tạo và tư vấn: hoạch định chiến lược, quản lý doanh nghiệp, cải tiến tổ chức sản xuất và dịch vụ, kỹ năng marketing, kỹ năng bán hàng, kỹ năng quản lý nhân sự, kỹ năng quản lý tài chính...

Hỗ trợ cung cấp nhân lực cho hội viên.

BAN XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI

XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI NỘI BỘ

Tổ chức các chương trình giao lưu, xúc tiến mua bán, trao đổi hàng hóa, thông tin giữa các thành viên, giúp cho các hội viên nhận ra giá trị hàng hóa dịch vụ của nhau và cung cấp các dịch vụ hàng hóa từ các tổ chức khác cho hội viên khi có yêu cầu.

Tổ chức các chapter 30-40 người, họp định kỳ mỗi tuần 1 buổi để hội viên kết hợp với nhau, thư ký sẽ tổng hợp lại thông tin nhu cầu trong và ngoài hội để tổng hợp cung cấp cho hội viên.

XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI BÊN NGOÀI

Hỗ trợ hội viên tìm kiếm, mở rộng danh sách khách hàng, đối tác.

Tổ chức tiếp đón các cá nhân, tổ chức đến thăm hội và muốn hợp tác với Hội cũng như các Hội viên.

Không ngừng tìm kiếm, phát triển các cơ hội mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh cho Hội Viên.

THAM GIA HỘI CHỢ, TRIỂN LÃM

Tổ chức triển lãm, khu trưng bày cho hội viên trong các cuộc hội chợ, triển lãm.

KẾT NỐI ĐẦU TƯ

Thiết lập và tăng cường quan hệ, làm cầu nối với các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp, các nhà đầu tư trong và ngoài nước và các đối tác khác để tạo cơ hội đầu tư cho hội viên.

Hỗ trợ vay vốn ngân hàng, huy động vốn, xin cấp phép dự án.

Cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động đầu tư tới hội viên.

BAN TRUYỀN THÔNG



Ban truyền thông là bộ phận chuyên trách hỗ trợ hội trong công tác truyền thông, thu hút hội viên, đồng thời truyền thông hỗ trợ hội viên trong việc tăng cường nhận diện thương hiệu, PR hình ảnh...

TỔ CHỨC TRUYỀN THÔNG

Tổ chức các hoạt động truyền thông, các sự kiện, các chương trình quảng cáo, phát triển các công cụ truyền thông cho hội như: website, fanpage, youtube...

TỔ CHỨC SỰ KIỆN

Tổ chức các sự kiện giao lưu, kết nối, truyền thông, các sự kiện văn hóa – xã hội, các hoạt động thể thao... cho các hội viên nhằm xây dựng hình ảnh của hội và hội viên.

HOẠT ĐỘNG TỪ THIỆN

Vận động các nguồn tài trợ, vận động hội viên tham gia các hoạt động từ thiện nhân các sự kiện của Hội và theo sự kêu gọi định kỳ của các cơ quan liên quan.

HOẠT ĐỘNG CHÍNH SÁCH

Thiết lập và duy trì quan hệ với các phòng, ban, sở, ngành, UBND, MTTQ, các tổ chức hội bạn và các tổ chức khác trong và ngoài TP.HCM.

BAN TƯ PHÁP

Lập và triển khai kế hoạch tư vấn, cung cấp các văn bản pháp luật liên quan cho các doanh nghiệp, người lao động.

Kết hợp với Hội Luật Gia TP. Hồ Chí Minh triển khai liên tịch phổ biến pháp luật cho các doanh nghiệp và người lao động tại các doanh nghiệp theo yêu cầu.

Định kỳ hàng tháng chủ động gửi các văn bản pháp luật hoặc thông báo, tin tức, tình hình pháp luật liên quan đến các chính sách thuế, lao động, hợp đồng kinh tế, bảo hiểm,... cho các doanh nghiệp hội viên.

Định kỳ các ngày thứ 3 và thứ 6 hàng tuần bố trí chuyên viên trực tư vấn tại trụ sở Hội.



KẾT NỐI GIAO THƯƠNG

- Tổ chức team kết nối giao thương theo ngành nghề

OFFLINE ĐỊNH KỲ

- Offline thường niên
- Offline quý
- Thăm cơ sở sản xuất kinh doanh của thành viên

XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI

- Xúc tiến giao lưu, mua bán hàng hóa giữa các thành viên
- Tổ chức tham gia hội chợ, triển lãm
- ...

HOẠT ĐỘNG CHÍNH

ĐÀO TẠO PHÁT TRIỂN

- Hỗ trợ chuyển đổi số
- Tổ chức các chương trình đào tạo, tư vấn định kỳ

TƯ VẤN HỖ TRỢ

- Tài chính: kết nối với các tổ chức tài chính.
- Hỗ trợ phát triển dự án

THĂM HỎI

- Tổ chức thăm hỏi, ma chay, hiếu hỉ.
- Hỗ trợ hội viên gặp khó khăn.
- Thăm hỏi các dịp đặc biệt.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN HỘI VIÊN

VIỆT NAM: 810.000 DN *

Mục tiêu chuyển đổi 0.1%.
Tương đương 810 hội viên

Mục tiêu chuyển đổi 3%.
Tương đương 455 hội viên

Xxi Xxxxx:
15.187 DN **

* Số liệu năm 2020, Nguồn: [Việt Nam sẽ có 1,5 triệu doanh nghiệp vào năm 2025](#)

** Phương pháp chia bình quân

GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN HỘI VIÊN



THÔNG QUA CHUYÊN VIÊN PTHV

Gửi email, điện thoại, nhờ giới thiệu, tương tác mạng xã hội, thu hút thông qua marketing online... Gửi tối thiểu 50 lời mời mỗi ngày. Tỷ lệ chuyển đổi kỳ vọng 3%.
Chỉ tiêu: 1 chuyên viên gửi khoảng 1200 lời mời mỗi tháng, mục tiêu chuyển đổi được 38 hội viên/tháng.



THÀNH VIÊN BAN CHẤP HÀNH

Dựa trên các mối quan hệ cá nhân và không ngừng mở rộng mối quan hệ cá nhân, chỉ tiêu mỗi tháng giới thiệu 1 ứng viên mới cho hội.
Tỷ lệ chuyển đổi kỳ vọng 10%.



NHÂN SỰ CHUYÊN TRÁCH

Dựa trên các mối quan hệ cá nhân và không ngừng mở rộng mối quan hệ cá nhân, chỉ tiêu mỗi tháng giới thiệu 1 ứng viên mới cho hội.
Tỷ lệ chuyển đổi kỳ vọng 3%.

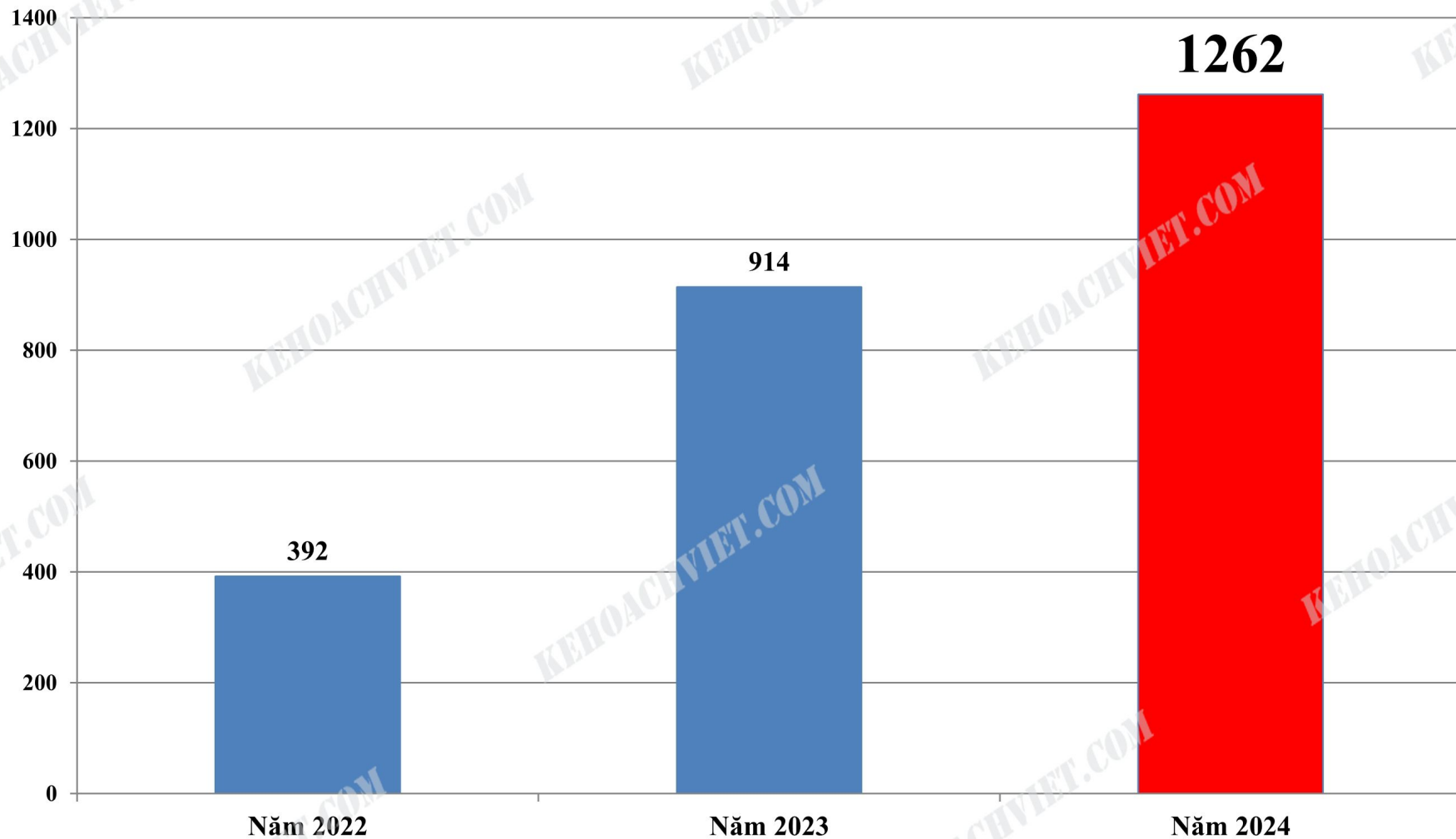


HỘI VIÊN GIỚI THIỆU ỨNG VIÊN MỚI CHO HỘI

Dựa trên các mối quan hệ cá nhân và không ngừng mở rộng mối quan hệ cá nhân, chỉ tiêu mỗi tháng giới thiệu 1 ứng viên mới cho hội.
Tỷ lệ chuyển đổi kỳ vọng 3%.

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN HỘI VIÊN

Số hội viên



SỐ LƯỢNG VÀ CHI PHÍ NHÂN SỰ

Bảng tổng hợp chi phí nhân sự					
STT	Vị trí	Số lượng	Mức lương	Chi phí lương hàng tháng	Chi phí lương hàng năm
1	Chủ tịch	1	15,000,000	15,000,000	180,000,000
2	Trưởng ban nội vụ	1	12,000,000	12,000,000	144,000,000
3	Phó ban nội vụ	1	8,000,000	8,000,000	96,000,000
4	Kế toán	1	8,000,000	8,000,000	96,000,000
5	Thủ quỹ	1	8,000,000	8,000,000	96,000,000
6	Trưởng ban PTHV và đào tạo	0	12,000,000	0	0
7	Phó ban PTHV và đào tạo - Phụ trách	0	8,000,000	0	0
8	Chuyên viên phát triển hội viên	4	8,000,000	32,000,000	384,000,000
9	Phó ban PTHV và đào tạo - Phụ trách	0	8,000,000	0	0
10	Chuyên viên đào tạo	0	8,000,000	0	0
11	Trưởng ban xúc tiến thương mại	1	12,000,000	12,000,000	144,000,000
12	Phó ban xúc tiến thương mại	1	8,000,000	8,000,000	96,000,000
13	Chuyên viên xúc tiến thương mại	4	8,000,000	32,000,000	384,000,000
14	Trưởng ban truyền thông	0	12,000,000	0	0
15	Phó ban truyền thông	0	8,000,000	0	0
16	Chuyên viên truyền thông	0	8,000,000	0	0
17	Trưởng ban Tư vấn pháp luật	0	12,000,000	0	0
18	Phó ban Tư vấn pháp lý	0	8,000,000	0	0
19	Chuyên viên Tư vấn pháp lý	0	8,000,000	0	0
	Tổng	15		135,000,000	1,620,000,000

1 PCT phụ trách trưởng ban Nội vụ, PTHV và Đào tạo, Pháp lý
1PCT phụ trách trưởng ban Xúc tiến thương mại, Truyền thông

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH – SỐ LƯỢNG NS

	Số lượng nhân sự hàng năm				
STT	Vị trí	2,022	2,023	2,024	2,025
1	Chủ tịch	1	1	1	1
2	Trưởng ban nội vụ	1	1	1	1
3	Phó ban nội vụ	1	1	1	1
4	Kế toán	1	1	1	1
5	Thủ quỹ	1	1	1	1
6	Trưởng ban PTHV và đào tạo	0	0	0	0
7	Phó ban PTHV và đào tạo - Phụ trách	0	0	0	0
8	Chuyên viên phát triển hội viên	4	7	13	13
9	Phó ban PTHV và đào tạo - Phụ trách	0	0	0	0
10	Chuyên viên đào tạo	0	0	0	0
11	Trưởng ban xúc tiến thương mại	1	1	1	1
12	Phó ban xúc tiến thương mại	1	1	1	1
13	Chuyên viên xúc tiến thương mại	2	7	13	13
14	Trưởng ban truyền thông	0	0	0	0
15	Phó ban truyền thông	0	0	0	0
16	Chuyên viên truyền thông	0	0	0	0
17	Trưởng ban Tư vấn pháp luật	0	0	0	0
18	Phó ban Tư vấn pháp lý	0	0	0	0
19	Chuyên viên Tư vấn pháp lý	0	0	0	0
	Tổng	13	21	33	33

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH – CHI PHÍ NS

	Tổng chi phí nhân sự hàng năm				
STT	Vị trí	2,022	2,023	2,024	2,025
	Chi phí lương				
1	Chủ tịch	49,500,000	180,000,000	180,000,000	180,000,000
2	Trưởng ban nội vụ	39,600,000	144,000,000	144,000,000	144,000,000
3	Phó ban nội vụ	26,400,000	96,000,000	96,000,000	96,000,000
4	Kế toán	32,000,000	96,000,000	96,000,000	96,000,000
5	Thủ quỹ	32,000,000	96,000,000	96,000,000	96,000,000
6	Trưởng ban PTHV và đào tạo	0	0	0	0
7	Phó ban PTHV và đào tạo - Phụ trách	0	0	0	0
8	Chuyên viên phát triển hội viên	128,000,000	504,000,000	992,000,000	1,248,000,000
9	Phó ban PTHV và đào tạo - Phụ trách	0	0	0	0
10	Chuyên viên đào tạo	0	0	0	0
11	Trưởng ban xúc tiến thương mại	39,600,000	144,000,000	144,000,000	144,000,000
12	Phó ban xúc tiến thương mại	26,400,000	96,000,000	96,000,000	96,000,000
13	Chuyên viên xúc tiến thương mại	48,000,000	488,000,000	992,000,000	1,248,000,000
14	Trưởng ban truyền thông	0	0	0	0
15	Phó ban truyền thông	0	0	0	0
16	Chuyên viên truyền thông	0	0	0	0
17	Trưởng ban Tư vấn pháp luật	0	0	0	0
18	Phó ban Tư vấn pháp lý	0	0	0	0
19	Chuyên viên Tư vấn pháp lý	0	0	0	0
	Chi phí nhân sự khác				
1	Chi phí tuyển dụng	26,000,000	16,000,000	24,000,000	0
2	Thưởng tết	35,125,000	153,666,667	236,333,333	279,000,000
3	Bảo hiểm lao động	86,407,500	378,020,000	581,380,000	686,340,000
4	Chi phí phát sinh ngoài dự kiến	12,645,000	55,320,000	85,080,000	100,440,000
	Tổng	581,677,500	2,447,006,667	3,762,793,333	4,413,780,000

* 6 tháng đầu hoạt động ban chấp hành sẽ chỉ nhận 30% lương cơ bản

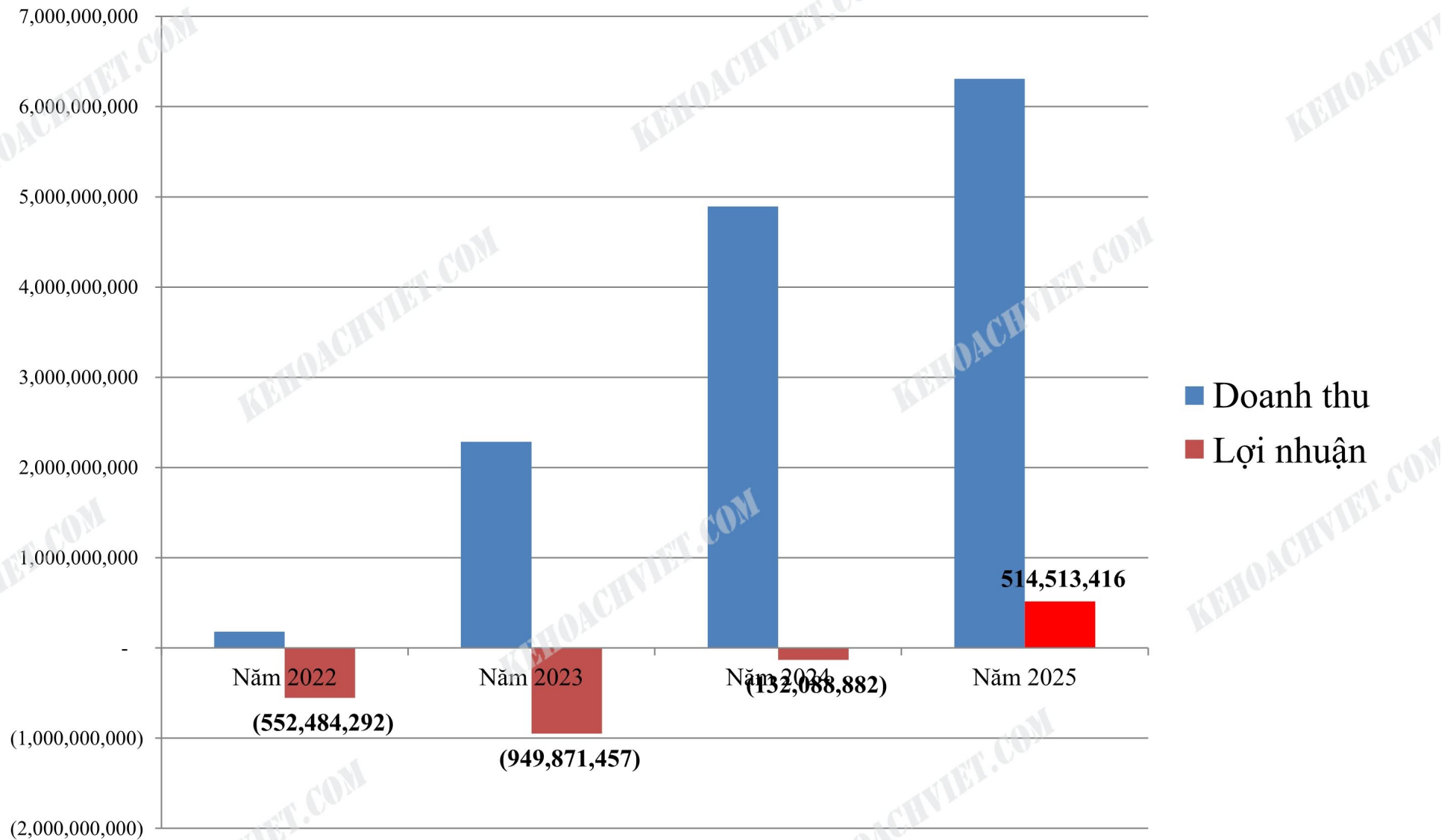
KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH – CHI PHÍ

STT	Chi phí hoạt động hàng năm	2,022	2,023	2,024	2,025
	Chi phí cố định				
4	Chi phí khối văn phòng				
4	Tiền thuê văn phòng	82,800,000	417,450,000	621,000,000	621,000,000
4	Tiền điện văn phòng	16,272,480	74,973,120	122,885,760	127,785,600
4	Tiền nước văn phòng	3,574,584	16,179,696	27,844,128	33,864,480
4	Tiền rác văn phòng	380,000	1,720,000	2,960,000	3,600,000
5	Tiền điện thoại văn phòng	380,000	1,720,000	2,960,000	3,600,000
5	Internet văn phòng	1,900,000	8,600,000	14,800,000	18,000,000
5	Văn phòng phẩm văn phòng	760,000	3,440,000	5,920,000	7,200,000
5	Chi phí bảo trì, bảo dưỡng văn phòng	3,800,000	17,200,000	29,600,000	36,000,000
5	Định phí khác				
5	Chi phí nhân sự	581,677,500	2,447,006,667	3,762,793,333	4,413,780,000
	Tổng chi phí cố định	691,544,564	2,988,289,483	4,590,763,221	5,264,830,080
	Chi phí biến đổi				
1	Chi phí marketing	5,437,500	68,512,500	146,812,500	189,225,000
2	Chi phí bán hàng	1,812,500	22,837,500	48,937,500	63,075,000
	Tổng chi phí biến đổi	7,250,000	91,350,000	195,750,000	252,300,000
	Chi phí khác	34,939,728	153,981,974	239,325,661	275,856,504
	Tổng chi phí	733,734,292	3,233,621,457	5,025,838,882	5,792,986,584

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - KQHĐ

Kết quả kinh doanh hàng năm	2,022	2,023	2,024	2,025
A. Kết quả bán hàng				
Doanh thu	181,250,000	2,283,750,000	4,893,750,000	6,307,500,000
Giảm trừ doanh thu	0	0	0	0
Doanh thu thuần	181,250,000	2,283,750,000	4,893,750,000	6,307,500,000
Giá vốn	0	0	0	0
Lợi nhuận gộp	181,250,000	2,283,750,000	4,893,750,000	6,307,500,000
B. Chi phí				
Chi phí khối văn phòng				
Tiền thuê văn phòng	82,800,000	417,450,000	621,000,000	621,000,000
Tiền điện văn phòng	16,272,480	74,973,120	122,885,760	127,785,600
Tiền nước văn phòng	3,574,584	16,179,696	27,844,128	33,864,480
Tiền rác văn phòng	380,000	1,720,000	2,960,000	3,600,000
Tiền điện thoại văn phòng	380,000	1,720,000	2,960,000	3,600,000
Internet văn phòng	1,900,000	8,600,000	14,800,000	18,000,000
Văn phòng phẩm văn phòng	760,000	3,440,000	5,920,000	7,200,000
Chi phí bảo trì, bảo dưỡng văn p	3,800,000	17,200,000	29,600,000	36,000,000
Chi phí khác				
Chi phí nhân sự	581,677,500	2,447,006,667	3,762,793,333	4,413,780,000
Chi phí marketing	5,437,500	68,512,500	146,812,500	189,225,000
Chi phí bán hàng	1,812,500	22,837,500	48,937,500	63,075,000
Chi phí khác	34,939,728	153,981,974	239,325,661	275,856,504
Tổng chi phí	733,734,292	3,233,621,457	5,025,838,882	5,792,986,584
C. Lợi nhuận				
Lợi nhuận trước lãi và thuế	(552,484,292)	(949,871,457)	(132,088,882)	514,513,416
Lãi	0	0	0	0
Thuế	0	0	0	0
Khấu hao tài sản	0	0	0	0
Lợi nhuận ròng	(552,484,292)	(949,871,457)	(132,088,882)	514,513,416

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



* Hội hoạt động theo mô hình phi lợi nhuận, toàn bộ lợi nhuận nếu có sẽ dùng để hỗ trợ cho hội viên thông qua các chương trình cụ thể

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - ĐTBĐ

STT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
3	Chi phí đầu tư văn phòng				
3.1	Cọc tiền thuê văn phòng	Tháng	3	20,700,000	62,100,000
3.2	Trang trí nội thất văn phòng	m2	60	2,000,000	120,000,000
3.3	Lap top	Cái	0	10,000,000	0
3.4	Máy tính bàn	Bộ	0	10,980,000	0
3.5	Máy photocopy	Cái	1	5,500,000	5,500,000
3.6	Máy lạnh	Cái	0	20,000,000	0
3.7	Máy chiếu	Bộ	1	20,000,000	20,000,000
3.8	Bàn ghế văn phòng	Bộ	9	2,500,000	22,500,000
3.9	Bảng văn phòng	Cái	1	600,000	600,000
3.10	Tủ hồ sơ	Cái	2	5,000,000	10,000,000
3.11	Máy đếm tiền	Cái	0	2,700,000	0
4	Chi phí khác				
4.1	Chi phí tư vấn lập dự án	Trọn gói	1	7,000,000	7,000,000
4.2	Chi phí tư vấn thiết kế	Trọn gói	1	0	0
4.3	Chi phí quản lý dự án	Trọn gói	1	0	0
4.4	Chi phí thuyết trình dự án	Trọn gói	1	0	0
4.5	Chi phí ngoại giao	Trọn gói		0	0
4.6	Kế toán + Thành lập công ty	Trọn gói	1	2,000,000	2,000,000
4.7	Hệ thống quản lý doanh nghiệp	Trọn gói	1	0	0
5	Chi phí phát sinh ngoài dự kiến (10%)				24,770,000
6	Các khoản dự phòng				
6.1	Chi phí mua sắm nguyên vật liệu	Trọn gói	1	0	0
6.2	Vốn lưu động (1 tháng chi phí)	Trọn gói	1	196,800,184	196,800,184
6.3	Dự phòng rủi ro (2 tháng chi phí)	Trọn gói	2	196,800,184	393,600,368
6.4	Bù lỗ ban đầu	Trọn gói	1	0	0
	Tổng Chi phí đầu tư ban đầu				864,870,552

ĐỘ NHẠY DỰ ÁN

Độ nhạy theo phí hội viên						
Phí hội viên (VNĐ/tháng)	Chỉ tiêu	2,022	2,023	2,024	2,025	2,026
500,000						
	Doanh thu	978,750,000	4,045,500,000	6,960,000,000	7,569,000,000	7,569,000,000
	Lợi nhuận	(588,565,862)	481,471,095	1,924,413,883	2,294,927,424	2,294,927,424
600,000						
	Doanh thu	1,174,500,000	4,854,600,000	8,352,000,000	9,082,800,000	9,082,800,000
	Lợi nhuận	(400,645,862)	866,012,473	2,701,366,923	3,161,140,416	3,161,140,416
700,000						
	Doanh thu	1,370,250,000	5,663,700,000	9,744,000,000	10,596,600,000	10,596,600,000
	Lợi nhuận	(212,725,862)	1,642,748,473	4,037,686,923	4,614,388,416	4,614,388,416
800,000						
	Doanh thu	1,566,000,000	6,472,800,000	11,136,000,000	12,110,400,000	12,110,400,000
	Lợi nhuận	(24,805,862)	2,419,484,473	5,374,006,923	6,067,636,416	6,067,636,416
900,000						
	Doanh thu	1,761,750,000	7,281,900,000	12,528,000,000	13,624,200,000	13,624,200,000
	Lợi nhuận	163,114,138	3,196,220,473	6,710,326,923	7,520,884,416	7,520,884,416
1,000,000						
	Doanh thu	1,957,500,000	8,091,000,000	13,920,000,000	15,138,000,000	15,138,000,000
	Lợi nhuận	351,034,138	3,972,956,473	8,046,646,923	8,974,132,416	8,974,132,416

Thank you!

